

Số: /BC-UBND

Vĩnh Châu, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm
và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2021**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Thực hiện Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2021.

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách trên địa bàn, chi ngân sách nhà nước đã được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua. Ủy ban nhân dân thị xã đã tổ chức triển khai Nghị quyết và ban hành các Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các phòng, ban ngành, đoàn thể cấp thị xã và các xã, phường trên địa bàn thị xã. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2021, thị xã Vĩnh Châu cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước theo dự toán giao đầu năm 2021 của thị xã Vĩnh Châu là 509.528 triệu đồng, bổ sung dự toán thu ngân sách 6 tháng đầu năm là 115.590 triệu đồng, nâng tổng dự toán thu ngân sách nhà nước là 625.118 triệu đồng. Dự toán thu ngân sách tăng chủ yếu do tăng thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh, kết dư ngân sách năm 2020 và thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2021 là 30.381 triệu đồng, đạt 61,25% dự toán, chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm.

Tổng thu ngân sách thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2021 là 384.499 triệu đồng đạt 75,46% so với dự toán, chi tiết kèm theo phụ lục 02 đính kèm.

2. Về chi ngân sách nhà nước

Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước giao đầu năm 2021 của thị xã Vĩnh Châu là 509.528 triệu đồng, bổ sung dự toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm là 115.590 triệu đồng, nâng tổng dự toán chi ngân sách nhà nước là 625.118 triệu đồng. Dự toán chi ngân sách nhà nước tăng chủ yếu do chi thực hiện các chương trình mục tiêu được bổ sung từ ngân sách tỉnh, kết dư ngân sách năm 2020 và chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang.

Thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 là 316.332 triệu đồng, đạt 62,08% so với dự toán, chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm.

3. Nhận xét, đánh giá

a) Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Trong 6 tháng đầu năm 2021 đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và thường xuyên trong công tác thu ngân sách; triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục thuế. Qua đó, kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt tiến độ kế hoạch đề ra; trong đó có 2/6 khoản thu đạt vượt dự toán gồm: thu tiền sử dụng đất và thu khác ngân sách.

Triển khai có hiệu quả công tác thu nợ thuế trên địa bàn, đặc biệt thu nợ thuế tiền sử dụng đất theo Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ đã góp phần tạo nguồn tăng thu và triển khai kịp thời chính sách ưu đãi về nợ thuế tiền sử dụng đất đến nhân dân.

Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính thuế đã tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

Quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh về chính sách thuế, nghĩa vụ và quyền hạn của người nộp thuế nhằm giúp doanh nghiệp, hộ kinh doanh nắm và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.

Tuy nhiên thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2021 cũng còn những khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ thu như: tình hình dịch bệnh COVID-19 kéo dài, việc áp dụng các chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất năm 2021 . . .

b) Về chi ngân sách nhà nước

Ủy ban nhân dân thị xã điều hành chi ngân sách trên cơ sở dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua. Thực hiện đúng nguyên tắc cân đối theo dự toán và bố trí nguồn dự phòng để đảm bảo các yêu cầu, nhiệm vụ chi cấp bách phát sinh ngoài dự toán như: đảm bảo công tác hậu cần phục vụ khu cách ly tập trung phòng, chống dịch COVID-19.

Các đơn vị sử dụng ngân sách đã chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi phù hợp gắn với yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị. Nhìn chung, về chi ngân sách 6 tháng đầu năm, các khoản chi được đảm bảo theo dự toán phân bổ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đối với nhiệm vụ chi thực hiện các chính sách về an sinh xã hội được thực hiện chi trả kịp thời, công khai.

Chi đầu tư phát triển được bố trí, phân bổ vốn, đầu tư cho các dự án đảm bảo kịp thời; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư ngân sách thị xã đến ngày 15 tháng 6 năm 2021 đạt 56,42% kế hoạch vốn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

1. Nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước

Nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng cuối năm cần phấn đấu là 21.619 triệu đồng, đạt cả năm là 52.000 triệu đồng (đạt 105% dự toán).

Dự toán chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2021 là 308.786 triệu đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 9.061 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 197.558 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: 8.328 triệu đồng.
- Chi các chương trình mục tiêu: 47.986 triệu đồng.
- Chi từ nguồn kết dư ngân sách: 43.335 triệu đồng.
- Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước: 2.518 triệu đồng.

2. Một số giải pháp tổ chức thực hiện 6 tháng cuối năm 2021

a) Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Để hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã năm 2021, Ủy ban nhân dân thị xã tiếp tục tập trung chỉ đạo Chi cục Thuế, các ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

- Thực hiện rà soát, xác định nguồn thu còn tiềm năng để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý, khai thác hiệu quả.

- Đẩy mạnh kiểm tra việc kê khai của người nộp thuế, đảm bảo tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ đều phải kê khai nộp thuế theo quy định. Tăng cường kiểm tra những lĩnh vực kinh doanh có dấu hiệu tiềm ẩn kê khai không đủ thuế và kiên quyết xử phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định về kê khai thuế, thực hiện ấn định thuế đối với người nộp thuế vi phạm pháp luật về thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chống thất thu thuế trên địa bàn thị xã; triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp thu hồi nợ thuế theo đúng quy định, đặc biệt không để phát sinh số nợ thuế mới.

- Chỉ đạo thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Chi cục Thuế và ngành Công an để có giải pháp chống thất thu ngân sách nhà nước, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Xử lý nghiêm các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế.

b) Về chi ngân sách nhà nước

Tiếp tục tăng cường quản lý, điều hành ngân sách trên cơ sở dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua. Tiếp tục triển khai các giải pháp tổ chức thực hiện theo Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước

năm 2021 và Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021; thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác những tháng còn lại của năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2021.

Tăng cường trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách hiệu quả gắn với nhiệm vụ được giao, hạn chế tối đa bổ sung ngoài dự toán. Các cơ quan, đơn vị thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ chi, triệt để tiết kiệm các khoản chi; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo. Quản lý chặt chẽ việc tạm ứng và chi chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang.

Chi chương trình mục tiêu quốc gia và mục tiêu khác phải đảm bảo đúng từng mục tiêu, từng chương trình và dự án (cả về tổng mức và chi tiết); nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia triển khai trên địa bàn.

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ hỗ trợ từ ngân sách để chi cho công tác an sinh xã hội. Các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên cơ sở rà soát thống kê các đối tượng thụ hưởng, xây dựng cơ sở dữ liệu sát với thực tế để chỉ đạo và thực hiện chi trả kịp thời, đảm bảo đúng đối tượng, công bằng và công khai minh bạch.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành chất lượng các dự án đầu tư; kiểm soát chặt chẽ tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư, bảo đảm chất lượng, thực hiện có hiệu quả vốn đầu tư công.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo đúng quy định.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2021. Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo trước kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, kỳ họp lần thứ nhất xem xét./.

Nơi nhận:

- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Lưu: VT, NC.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Thắng

Phụ lục 01**Số liệu thu ngân sách trên địa bàn theo lĩnh vực 6 tháng đầu năm 2021**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
I	Thu NSNN trên địa bàn	49.600	46.190	30.381	29.771	61,25	64,45
1	Thu từ khu vực ngoài Quốc doanh	15.000	14.890	7.710	7.680	51,40	51,58
1.1	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	2.200	2.200	1.053	1.053	47,86	47,86
1.2	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	12.690	12.690	6.602	6.602	52,03	52,03
1.3	<i>Thuế tài nguyên</i>	50		30		60,00	
1.4	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	60		25	25	41,67	
2	Thuế thu nhập cá nhân	9.500	9.500	4.850	4.850	51,05	51,05
3	Lệ phí trước bạ	15.500	15.500	7.750	7.750	50,00	50,00
4	Thu phí, lệ phí	2.000	1.500	1.450	870	72,50	58,00
5	Thu tiền sử dụng đất	7.000	4.200	7.400	7.400	105,71	176,19
6	Thu khác ngân sách	600	600	1.221	1.221	203,50	203,50

Phụ lục 02**Số liệu thu ngân sách nhà nước thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2021***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)**ĐVT: triệu đồng*

STT	Nội dung	Thu NSNN	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Tổng thu NSNN sau khi điều chỉnh	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % DT giao đầu năm	Tỷ lệ % sau điều chỉnh
	Tổng thu ngân sách nhà nước	509.528	115.590	625.118	384.499	75,46	61,51
I	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	46.190		46.190	29.771	64,45	64,45
II	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	463.338	39.050	502.388	278.188	60,04	55,37
1	Thu bổ sung cân đối	397.756		397.756	199.756	50,22	50,22
2	Thu bổ sung có mục tiêu	65.582	39.050	104.632	78.432	119,59	74,96
III	Thu kết dư ngân sách		56.824	56.824	56.824		100
1	Thị xã		52.700	52.700	52.700		100
2	Xã, phường		4.124	4.124	4.124		100
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		19.716	19.716	19.716		100

Phụ lục 03**Số liệu chi ngân sách nhà nước thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2021***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)**ĐVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	509.528	115.590	625.118	316.332	62,08	50,60
I	Chi đầu tư phát triển	35.505		35.505	26.444	74,48	74,48
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	31.305		31.305	23.775	75,95	75,95
2	Chi xây dựng CSHT bằng nguồn thu tiền sử dụng đất	4.200		4.200	2.669	63,55	63,55
II	Chi thường xuyên	399.736	-	399.736	202.178	50,58	50,58
1	Chi quốc phòng (trong đó kinh phí hỗ trợ 3 đồn biên phòng là 90 triệu đồng và hỗ trợ chi quốc phòng cho xã, phường 350 triệu đồng)	2.242		2.242	1.833	81,76	81,76
2	Chi an ninh	374		374	195	52,14	52,14
3	Chi sự nghiệp giáo dục	246.258		246.258	120.360	48,88	48,88
4	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	4.714		4.714	2.335	49,53	49,53
-	Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên	2.703		2.703	1.487	55,00	55,00
-	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	772		772	386	50,00	50,00
-	Đào tạo cán bộ	500		500	200	40,00	40,00
-	Đào tạo cán bộ HTX và cán bộ xã, phường	300		300	100	33,33	33,33
-	Đào tạo khác	439		439	162	36,90	36,90

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
5	Chi sự nghiệp y tế	1.495		1.495	850	56,86	56,86
6	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin - thể thao (bao gồm kinh phí đối ứng thực hiện DA "Nâng cao hiệu quả SD máy tính và truy nhập Internet công cộng")	2.542		2.542	1.052	41,38	41,38
-	Trung tâm Văn hóa thông tin- Thể thao	2.142		2.142	857	40,00	40,00
-	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	250		250	150	60,00	60,00
-	Sự nghiệp Thể dục thể thao	150		150	45	30,00	30,00
7	Chi sự nghiệp phát thanh	1.063		1.063	620	58,33	58,33
8	Đảm bảo xã hội	1.900		1.900	1.700	89,47	89,47
9	Chi sự nghiệp kinh tế	33.319		33.319	19.405	58,24	58,24
-	Sự nghiệp Nông - Lâm -Thủy Sản	450		450	320	71,11	71,11
-	Sự nghiệp giao thông	3.500		3.500	2.750	78,57	78,57
-	Sự nghiệp kinh tế khác	4.881		4.881	1.925	39,44	39,44
-	Kiến thiết thị chính	22.000		22.000	13.250	60,23	60,23
-	Quy hoạch sử dụng đất	168		168			
-	Kinh phí bảo vệ đất trồng lúa	2.320		2.320	1.160	50,00	50,00
10	Chi sự nghiệp môi trường	12.742		12.742	7.650	60,04	60,04
11	Chi quản lý hành chính	31.827		31.827	11.798	37,07	37,07
11.1	Chi cho khối Đảng	8.229		8.229	6.510	79,11	79,11
-	Văn phòng Thị ủy	8.229		8.229	4.800	58,33	58,33
11.2	Chi cho khối đoàn thể và các hội có tính chất đặc thù	4.993		4.993	2.922	58,51	58,51

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
-	UBMT Tổ quốc (Trong đó: kinh phí hoạt động đặc thù: 90 triệu đồng)	742		742	427	57,55	57,55
-	Thị đoàn	843		843	465	55,16	55,16
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ	884		884	508	57,47	57,47
-	Hội Nông dân	793		793	469	59,14	59,14
-	Hội Cựu Chiến Binh	493		493	302	61,26	61,26
-	Hội chữ thập đỏ	449		449	293	65,26	65,26
-	Các Hội có tính chất đặc thù	789		789	458	58,00	58,00
+	Hội nạn nhân chất độc màu da cam	126		126	73	58,00	58,00
+	Hội Người mù	159		159	92	58,00	58,00
+	Hội Khuyến học	126		126	73	58,00	58,00
+	Hội Luật gia	126		126	73	58,00	58,00
+	Ban đại diện Hội Người cao tuổi	126		126	73	58,00	58,00
+	Hội Chiến sĩ bị địch bắt tù đày	126		126	73	58,00	58,00
11.3	Quản lý Nhà nước (kể cả HĐND)	16.150		16.150	9.611	59,51	59,51
-	Văn phòng HĐND - UBND	5.477		5.477	3.328	60,76	60,76
+	Kinh phí tự chủ của VP HĐND-UBND	3.547		3.547	2.128	59,99	59,99
+	Kinh phí hoạt động thường xuyên của HĐND và sinh hoạt phí của đại biểu HĐND thị xã.	1.145		1.145	630	55,02	55,02
+	Kinh phí thường trực UBND thị xã	600		600	450	75,00	75,00

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
+	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành	185		185	120	64,86	64,86
-	Phòng Giáo dục & Đào tạo	1.224		1.224	699	57,11	57,11
-	Phòng Lao động - TBXH	1.108		1.108	605	54,60	54,60
-	Phòng Nội vụ	1.014		1.014	660	65,09	65,09
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.308		1.308	755	57,72	57,72
-	Phòng Quản lý đô thị	717		717	450	62,76	62,76
-	Phòng Kinh tế	1.475		1.475	895	60,68	60,68
-	Phòng Tài nguyên - Môi trường	723		723	435	60,17	60,17
-	- Phòng Tư pháp	545		545	327	60,00	60,00
-	- Phòng Y tế	103		103	60	58,25	58,25
-	- Phòng Văn hóa - Thông tin	835		835	504	60,36	60,36
-	- Thanh tra (bao gồm kinh phí hỗ trợ trang phục ngành)	822		822	493	60,00	60,00
-	Phòng Dân tộc	399		399	240	60,15	60,15
-	Cải cách hành chính	200		200	60	30,00	30,00
-	Kinh phí hỗ trợ cho các ngành tỉnh đóng tại địa phương	200		200	100	50,00	50,00
+	Tòa án nhân dân	30		30	15	50,00	50,00
+	Viện Kiểm Sát nhân dân	30		30	15	50,00	50,00

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
+	Chi cục Thi hành án (bao gồm kinh phí hoạt động BCD thi hành án dân sự)	80		80	40	50,00	50,00
+	Chi cục Thống kê	30		30	15	50,00	50,00
+	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	30		30	15	50,00	50,00
11.4	Ứng dụng công nghệ thông tin	200		200	60	30,00	30,00
11.5	Các khoản chi không tự chủ	2.255		2.255	2.220	98,45	98,45
12	Chi khác ngân sách (chi khen thưởng)	720		720	600	83,33	83,33
13	Chi ngân sách cấp xã, phường	54.374		54.374	33.780	62,13	62,13
14	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	6.166		6.166		0,00	0,00
III	Dự phòng	8.705		8.705	377	4,33	4,33
IV	Chi các chương trình mục tiêu	65.582	39.050	104.632	56.646	86,37	54,14
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		0	0	0	0,00	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	65.582		65.582	29.836	45,49	45,49
2.1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn cân đối NSDP	6.000		6.000	2.560	42,67	42,67
-	Trụ sở UBND xã Lạc Hòa	6.000		6.000	2.560	42,67	42,67
2.2	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết	43.280		43.280	15.820	36,55	36,55
-	Trường Mầm Non Vĩnh Phước	14.730		14.730	639	4,34	4,34
-	Trường Mầm Non Lai Hòa	14.050		14.050	7.395	52,63	52,63
-	Trường tiểu học Vĩnh Phước 1	14.500		14.500	7.786	53,70	53,70

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
2.3	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	16.302		16.302	11.456	70,27	70,27
-	Vốn đầu tư phát triển						
-	Vốn sự nghiệp	16.302	0	16.302	11.456	70,27	70,27
+	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ	4.973		4.973	2.911	58,54	58,54
+	Kinh phí chi trợ cấp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ	1.813		1.813	910	50,19	50,19
+	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, ấp đặc biệt khó khăn	6.727		6.727	6.727	100,00	100,00
+	Kinh phí thực hiện chính sách giáo viên mầm non	324		324	291	89,81	89,81
+	Kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông	176		176	39	22,16	22,16
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	2.289		2.289	578	25,25	25,25
3	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		39.050	39.050	26.810		68,66
3.1	Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính Phủ năm 2021		19.544	19.544	11.730		60,02
3.2	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi		161	161	161		100,00
3.3	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi		7.700	7.700	5.256		68,26

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
3.4	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường thời kỳ 1975-2015		50	50			0,00
3.5	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 1)		570	570	570		100,00
3.6	Kinh phí thực hiện quản lý quản lý, tuyên truyền và Hội thi "tuyến đường nông thôn mới kiểu mẫu" thuộc CTMTQG XDNTM		180	180	90		50,00
3.7	Kinh phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 03 tháng cho người lao động năm 2021		450	450			0,00
3.8	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026		1.756	1.756	1.756		100,00
3.9	Kinh phí thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới đường 30 tháng 4 thị xã Vĩnh Châu		1.114	1.114	1.014		91,00
3.10	Kinh phí tổ chức Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng		30	30	30		100,00
3.11	Kinh phí thực hiện dự án Trường Tiểu học Lạc Hòa 2, thị xã Vĩnh Châu		7.000	7.000	5.872		83,89
3.12	Kinh phí tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ 27/4/2021		79	79			0,00

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
3.13	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2021		100	100	15		15,00
3.14	Kinh phí phục vụ công tác tùy lợi nội đồng kết hợp giao thông nông thôn		10	10	10		100,00
3.15	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021-2026 (đợt 4)		255	255	255		99,98
3.16	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường thời kỳ 1975-2015		50	50	50		100,00
VI	Chi kết dư ngân sách thị xã		52.700	52.700	11.284		21,41
1	Chi đầu tư phát triển			4.838	-		0,00
	Trong đó gồm các nguồn:		-	-			
1.1	Thu vượt ngân sách năm 2020			1.760			
	Trong đó: Thu vượt tiền sử dụng đất			1.646			0,00
1.2	Thu vượt ngân sách năm 2019			1.080			0,00
1.3	Vốn đầu tư năm trước còn lại			1.998			0,00
2	Chi thường xuyên			40.698	4.120		10,12
2.1	Chi cải cách tiền lương			5.415			0,00
-	10% chi thường xuyên đầu năm 2020			1.038			0,00

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
-	20% tăng thu ngân sách năm 2019			1.487			0,00
-	Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2020			464			0,00
-	Nguồn thực hiện CCTL các năm trước còn lại			2.426			0,00
2.2	Chi cải tạo, nâng cấp trụ sở Thị ủy Vĩnh Châu			1.870			0,00
2.3	Chi Giải phóng mặt bằng trụ sở UBND xã Lạc Hòa			1.150			0,00
2.4	Sự nghiệp giáo dục			9.141			0,00
2.5	Sự nghiệp Đào tạo (sửa chữa Trung tâm chính trị)			267			0,00
2.6	Sự nghiệp kinh tế			6.000			0,00
2.7	Chuyển vốn ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác			1.500	1.500		100,00
2.8	Chuyển vốn ủy thác qua Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân thị xã để cho vay đối với hội viên nông dân thực hiện dự án			230	230		100,00
2.9	Chi thực hiện các chính sách			6.520	330		5,06
2.10	Chi cải cách hành chính			200			0,00
2.11	Chi thực hiện phòng, chống dịch			500	164		32,80

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
2.12	Bổ sung các nhiệm vụ chi: mua sắm sửa chữa thiết bị, tài sản duy trì hoạt động thường xuyên; thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực chi phát sinh . . .)			7.901	1.896		24,00
3	Nguồn thu bổ sung có mục tiêu năm trước chuyển sang			7.164	7.164		100,00
3.1	Vốn thực hiện CTMTQG XD NTM			646	646		100,00
3.2	Vốn thực hiện CTMTQG giảm nghèo			3	3		100,00
3.3	Nguồn bổ sung mục tiêu theo nhiệm vụ			6.515	6.515		100,00
-	Chi thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP			2.670	2.670		100,00
-	Kinh phí hỗ trợ SP, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 công tác thủy lợi nội đồng			53	53		100,00
-	Kinh phí tổ chức hội thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng			30	30		100,00
-	Kinh phí để thực hiện công trình khắc phục sạt lở bờ Sông ngụy hiểm			5	5		100,00
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM năm 2020 từ nguồn vốn xổ số kiến thiết			202	202		100,00
-	Kinh phí thực hiện đào tạo nghề năm 2020			52	52		100,00
-	Kinh phí hỗ trợ phòng, chống hạn hán thiếu nước xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng			47	47		100,00

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ lệ % so với DT đầu năm	Tỷ lệ % so với DT điều chỉnh
-	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi			226	226		100,00
-	Kinh phí quản lý triển khai chính sách nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg			131	131		100
-	Kinh phí thực hiện chỉnh trang đô thị			2.787	2.787		
-	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG XDNTM từ nguồn vốn XSKT			259	259		
-	Kinh phí thực hiện đào tạo nghề năm 2020			52	52		
VII	Chi kết dư ngân sách xã, phường năm 2020		4.124	4.124	2.205		
VIII	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		19.716	19.716	17.199		